

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số 83/2018/HSPT
Ngày 07 - 3 - 2018.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân.
2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2018/HSPT ngày 08/01/2018 đối với bị cáo Thái Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số 315/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Thái Thanh H**, sinh năm: 1969, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: đường W, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ học vấn: 12/12; con ông Thái A, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1934; có vợ là Võ Thị H4, sinh năm 1969 và có 04 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 51/HSST ngày 14/7/1993, bị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột, xử phạt: 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 15 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”; tại Bản án số 77/2008/HSPT ngày

14/5/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt: 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/02/2017, hiện đang giam (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Hàn L – Văn phòng Luật sư HL, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

- *Nguyên đơn dân sự*: Sở T tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: đường ĐTH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh T1; địa chỉ: đường Ô, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đinh Thị H8; địa chỉ: đường LD, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
2. Ông Tô Quang D; địa chỉ: đường LD, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
3. Ông Lê Thế H1; địa chỉ: phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
4. Anh Ung Thanh H2; địa chỉ: phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
5. Chị Trần Thị V; địa chỉ: khu tiểu thủ Công Nghiệp, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
6. Anh Vũ Đình K; địa chỉ: đường GP, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
7. Anh Phạm Minh H3; địa chỉ: đường LTK, phường Thắng Lợi, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);
8. Bà Lê Thị Mai H5; địa chỉ: đường PVT, phường 1x, Quận BT, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);
9. Bà Võ Thị H4; địa chỉ: phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);
10. Anh Trương Quốc H6; địa chỉ: Số 399E/5, đường Hùng Vương, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);
11. Anh Lê Vĩnh Đ; địa chỉ: đường BVĐ, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);
12. Doanh nghiệp tư nhân HN

Địa chỉ: khu tiểu thủ Công Nghiệp, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T; địa chỉ: khu tiểu thủ Công Nghiệp, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

13. Công ty TNHH TN

Địa chỉ: đường BVĐ, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim N – Chức vụ: Giám đốc;
địa chỉ: đường BVĐ, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Dương Thị H7; địa chỉ: đường NAN, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

2. Chị Trần Thị D1; địa chỉ: phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/08/2013, Sở T tỉnh Đắk Lắk, ký Hợp đồng thuê mặt bằng, bảo vệ vật tư, diện tích làm kho vật tư là khu đất rộng 1500 m², địa chỉ: Tổ dân phố X, phường ET, thành phố B với bà Đinh Thị H8 (là vợ ông Tô Quang D) để cất giữ số lượng vật tư là các thanh sắt dầm cầu chữ I và một số vật tư khác, thời hạn thuê đến ngày 19/8/2014, số tiền thuê là 39.000.000đ. Đến ngày 22/8/2016, Sở T tỉnh Đắk Lắk làm Biên bản kiểm kê, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc thuê mặt bằng và bảo vệ vật tư với bà Đinh Thị H8 để di dời toàn bộ số lượng vật tư này đi tới địa điểm khác. Trong thời gian Sở T tìm mặt bằng làm kho thì toàn bộ số lượng vật tư là sắt các loại và dầm cầu bằng sắt chữ I để tại khu đất rẫy cà phê của bà Đinh Thị H8 được giao cho ông Tô Quang D (là cán bộ của Sở T) quản lý trông coi. Đến giữa tháng 12/2016, ông D đã thuê Thái Thanh H sơn sửa lại các dầm cầu sắt chữ I. Trong thời gian này, Hải thấy sơ hở trong việc quản lý các thanh sắt dầm cầu chữ I nên đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 01/2017, Thái Thanh H gặp anh Lê Thế H1 và biết được anh Lê Thế H1 là người mua bán sắt phế liệu, nên H đã xin số điện thoại của anh Lê Thế H1 và nói với anh Lê Thế H1 là lúc nào có sắt phế liệu thì gọi điện thoại và bán cho anh Lê Thế H1. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 06/01/2017, Thái Thanh H sử dụng điện thoại di động hiệu Viettel sim số 09770478xx gọi vào số điện thoại 09637635xx cho anh Lê Thế H1 và nói là có sắt phế liệu cần bán có mua không, thì anh Lê Thế H1 đồng ý. Sau đó, Thái Thanh H gọi điện thoại cho anh Lê Văn Th là người quản lý Doanh nghiệp TN hỏi thuê xe ô tô cầu để bốc cầu các thanh sắt dầm cầu chữ I của Sở T lúc đó đang để tại rẫy cà phê của ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8. Anh Th thoả thuận giá bốc cầu vận

chuyển là 4.000.000đ thì Thái Thanh H đồng ý. Anh Th nói anh Ung Thanh H2 và Lê Viết D2 (là phụ xe, đã chết vào tháng 03/2017), sử dụng xe ô tô cầu biển số 47C - 121.xx đi chở sắt dầm cầu cho Thái Thanh H và đưa số điện thoại của H cho anh H2 biết để tiện liên lạc bốc cầu sắt dầm cầu. Anh Lê Thế H1 liên lạc với Thái Thanh H, thì được Thái Thanh H hướng dẫn đường đi nên anh Lê Thế H1 đi vào rẫy cà phê của gia đình ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8 nơi để các thanh dầm cầu. Lúc này xe ô tô cầu do anh H2 lái chạy đến, nên anh Lê Thế H1 đi theo đến rẫy cà phê của gia đình ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8. Tại đây anh H2, anh D2 và Lê Thế H1 chờ ở đây một lúc thì Thái Thanh H đi xe mô tô hiệu Honda màu đỏ, biển số 51S8-811x đến. Thái Thanh H nói với anh Lê Thế H1 là có một số thanh sắt dầm cầu chữ I làm công trình còn dư nên bán lấy tiền và chỉ cho các anh Lê Thế H1, anh H2 và anh D2 bốc cầu 03 thanh sắt dầm cầu chữ I đưa lên thùng xe ô tô cầu biển số 47C - 121.xx. Lê Thế H1 thỏa thuận giá mua sắt phế liệu với Thái Thanh H là 4.500 đồng/kg, nhưng do chưa có tiền trả liền nên sau khi vận chuyển đi bán được sẽ lấy tiền và trả lại cho Thái Thanh H sau thì Hải đã đồng ý. Sau đó, anh Lê Thế H1 nói với anh Ung Thanh H2 và Lê Viết D2 chở 03 thanh sắt dầm cầu chữ I này đi đến kho của Doanh nghiệp tư nhân HN, còn anh Lê Thế H1 đi xe mô tô theo dẫn đường, trên đường đi anh Lê Thế H1 đã gọi điện thoại cho anh Vũ Đình K (là người cùng làm mua phế liệu với Lê Thế H1), đến Doanh nghiệp HN phụ giúp anh Lê Thế H1 nhận tiền bán sắt. Khi đi đến Doanh nghiệp HN, anh Lê Thế H1 đi vào gặp chị Trần Thị V (là kế toán, thủ quỹ của Doanh nghiệp HN), Lê Thế H1 thỏa thuận với chị V giá mua bán 01kg sắt phế liệu là 6.300 đồng/kg. Sau đó, anh Ung Thanh H2 và anh Lê Viết D2 lái xe lên cân tính trọng lượng 03 thanh sắt dầm cầu chữ I này được 9.910 kg, thành tiền là 62.430.000đ. Chị Trần Thị V viết phiếu chi thanh toán, anh Vũ Đình K ký nhận vào mục người nhận tiền trên phiếu chi rồi nhận số tiền 62.430.000đ. Sau đó anh Khánh đưa lại toàn bộ số tiền này cho anh Lê Thế H1 và Lê Thế H1 lấy số tiền 4.000.000đ trả tiền cước bốc cầu và vận chuyển cho anh H2. Khi bán xong 03 thanh sắt dầm cầu chữ I này anh Lê Thế H1 và K đi về, trên đường đi anh Lê Thế H1 gọi điện thoại cho Thái Thanh H hẹn gặp tại quán cà phê ở gần ngã tư đường MHD - GP, phường TT. Anh Lê Thế H1 đã trả cho Thái Thanh H số tiền 48.000.000đ, anh Lê Thế H1 giữ lại số tiền 10.430.000đ để tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Ngày 21/01/2017, Thái Thanh H sử dụng điện thoại di động hiệu Viettel, màu xám đen, sim số 09770478xx gọi vào điện thoại di động số 09134841xx gặp anh Lê Văn Th hỏi thuê xe ô tô cầu để cầu bốc vận chuyển các thanh sắt dầm cầu chữ I của Sở T tỉnh Đắk Lắk để tại khu đất rẫy cà phê của gia đình ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8 vận chuyển đến Doanh nghiệp HN. Anh Th thỏa thuận giá bốc cầu và vận chuyển 03 thanh sắt dầm cầu sắt chữ I, là

4.000.000đ thì Thái Thanh H đồng ý. Sau đó anh Th gọi điện thoại cho anh Ung Thanh H2 lái xe và Lê Viết D2 là phụ xe, sử dụng xe ô tô cầu biển số 47C-121.xx đi chở sắt dầm cầu cho H và đưa số điện thoại của H cho anh H2 để liên lạc. Anh H2 gọi điện thoại cho H và được Hải chỉ đường đi đến rẫy cà phê của ông D, bà H8. Tại đây, anh H2 gặp Thái Thanh H và được chỉ bốc cầu 03 thanh sắt dầm cầu chữ I lớn, dài khoảng 10m để lên thùng xe ô tô cầu biển số 47C-121.xx chở đến kho của Doanh nghiệp HN, Thái Thanh H đi xe mô tô theo sau. Khi đến Doanh nghiệp HN, Hải đi vào gặp trực tiếp chị Trần Thị V và thỏa thuận giá bán 01kg sắt là 5.600 đồng để bán 03 thanh sắt dầm cầu chữ I, còn anh H2 và anh D2 lái xe ô tô lên cân tính trọng lượng 03 thanh sắt này được 9.470kg. Chị V tính trọng lượng, nhân giá mua và thành tiền là 53.030.000đ. Chị V viết phiếu chi tiền yêu cầu Thái Thanh H ký vào mục người nhận tiền. H chỉ ký nhưng không ghi họ tên. Khi bán xong 03 thanh sắt dầm cầu chữ I này cho chị V, H lấy số tiền 4.000.000đ trả cho anh H2 là tiền bốc cầu và vận chuyển, còn lại số tiền 49.030.000đ, Thái Thanh H để lại cất giữ.

Vụ thứ ba: Ngày 24/01/2017, Thái Thanh H sử dụng điện thoại di động và gọi cho anh Lê Văn Th hỏi thuê xe ô tô cầu để cầu các thanh sắt dầm cầu chữ I để tại khu đất rẫy cà phê của gia đình ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8 chở đến Doanh nghiệp HN. Anh Th thỏa thuận giá bốc cầu và vận chuyển là 4.000.000đ thì Hải đồng ý. Anh Th điều động anh Ung Thanh H2 và anh Lê Viết D2 sử dụng xe ô tô cầu biển số 47C-121.xx đi chở sắt dầm cầu cho Hải. Sau đó, anh H2 và anh D2 lái xe ô tô cầu đi đến rẫy khu đất cà phê mà anh H2 và anh D2 đã cầu các lần trước đó. Khi đến đây gặp Hải và theo chỉ dẫn của Hải, anh H2 và anh D2 bốc cầu 03 thanh sắt dầm cầu chữ I lớn, dài khoảng trên 10m để lên thùng xe và chở đến kho của Doanh nghiệp HN. Tại đây, Thái Thanh H gặp chị Trần Thị V hỏi và thỏa thuận giá bán bán 03 thanh sắt dầm cầu chữ I là 5.600 đồng/kg. Anh H2 và anh D2 lái xe ô tô lên cân tính trọng lượng 03 thanh sắt dầm cầu chữ I này được 9.600kg, thành tiền là 53.760.000đ. Chị V viết phiếu chi thanh toán tiền cho Thái Thanh H số tiền 53.760.000đ, yêu cầu Hải ký vào mục người nhận tiền. H chỉ ký nhưng không ghi họ tên. Khi bán xong 03 thanh sắt dầm cầu chữ I này, H trả cho anh H2 4.000.000đ, tiền thuê xe ô tô bốc cầu vận chuyển, số tiền còn lại là 49.760.000đ H để lại cất giữ.

Vụ thứ tư: Ngày 06/02/2017, Thái Thanh H sử dụng điện thoại di động gọi cho anh Lê Văn Th thuê xe ô tô cầu để cầu các thanh sắt dầm cầu chữ I tại khu đất rẫy cà phê của ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8 chở đến Doanh nghiệp HN để bán. Anh Th thỏa thuận giá bốc cầu và vận chuyển là 4.000.000đ thì H đồng ý. Sau đó, anh Th gọi điện thoại và điều động anh H2 là lái xe và anh D2 là phụ xe, sử dụng xe ô tô cầu biển số 47C - 121.xx đi chở sắt dầm cầu cho H. Do đã bốc cầu

các thanh sắt dầm cầu chữ I nhiều lần cho H, nên anh H2 và anh D2 tự lái xe ô tô cầu đi đến rẫy cà phê của ông D và bà H8. Tại đây H chỉ cho anh H2 và anh D2 bốc cầu 03 thanh sắt dầm cầu chữ I, dài khoảng 10m lên thùng xe ô tô cầu biển số 47C-121.xx và chở đến kho của Doanh nghiệp HN, còn Thái Thanh H đi xe mô tô theo sau. Khi đến, H đi vào phòng kế toán gặp chị Trần Thị V thỏa thuận giá để bán 03 thanh sắt dầm cầu, chị Trần Thị V thỏa thuận với H là giá mua theo sắt phế liệu nên 01kg sắt là 5.600 đồng. Lúc anh H2 và anh D2 lái xe ô tô cân trọng lượng 03 thanh sắt dầm cầu chữ I được 10.100 kg, chị Trần Thị V tính thành tiền là 56.500.000đ và đưa cho Thái Thanh H và viết phiếu chi tiền yêu cầu H ký vào mục người nhận tiền trên phiếu chi. H chỉ ký nhưng không ghi họ tên. Sau đó H trả tiền công bốc cầu vận chuyển cho anh H2 số tiền 4.000.000đ, số tiền còn lại là 52.500.000đ, H giữ lại cất giữ.

Vụ thứ năm: Ngày 20/02/2017, Thái Thanh H sử dụng điện thoại di động hiệu Viettel, màu xám đen, sim số 09770478xx gọi vào điện thoại di động số 09134841xx gặp anh Lê Văn Th, để thuê xe ô tô cầu. Anh Th thỏa thuận giá bốc cầu và vận chuyển là 4.000.000đ thì H đồng ý. Anh Th đã gọi điện thoại điều động anh Ung Thanh H2 là lái xe và anh Phạm Minh H3 (là phụ xe), sử dụng xe ô tô cầu biển số 47C-121.xx để đi bốc cầu thanh sắt dầm cầu cho Thái Thanh H, anh H2 sử dụng điện thoại di động liên lạc với H và được H yêu cầu lái xe ô tô cầu đi đến khu đất rẫy cà phê của ông D và bà H8 để bốc và cầu các thanh sắt dầm cầu chữ I, vận chuyển đi đến kho của Doanh nghiệp HN. Sau đó, anh H2 và anh H3 lái xe ô tô cầu biển số 47C-121.xx đi đến nơi cất giữ các thanh sắt dầm cầu chữ I. Tại đây anh H2 và anh H3 đã gặp Thái Thanh H, theo yêu cầu chỉ dẫn của H, anh H2 và anh H3 bốc cầu 06 thanh sắt dầm cầu chữ I (03 dầm cầu sắt chữ I màu xám, mỗi thanh dầm cầu dài từ 9m đến 12m, bề rộng từ 50cm đến 90cm, nặng hơn 03 tấn, bề dày kim loại khoảng 2cm), chất lên sàn thùng xe ô tô cầu biển kiểm soát 47C -121.34. Sau đó, H yêu cầu anh H2 và anh H3 chở các thanh dầm cầu sắt này đi đến kho của Doanh nghiệp HN, còn H đi xe mô tô theo sau. Khi đến kho của Doanh nghiệp HN, H trực tiếp đi đến gặp chị Trần Thị V, thỏa thuận với giá bán sắt phế liệu là 5.600 đồng/kg. Anh H2 và anh H3 lái xe cân trọng lượng các thanh sắt dầm cầu chữ I này được 12.500 kg, thành tiền là 70.000.000đ. Chị Trần Thị V viết phiếu chi và yêu cầu Thái Thanh H ký vào mục người nhận tiền. Sau khi H nhận số tiền 70.000.000đ, H trả tiền bốc cầu vận chuyển cho anh H2 số tiền 4.000.000đ, số tiền còn lại là 66.000.000đ, H để lại cất giữ. Đến khoảng 13 giờ 30 ngày 20/02/2017, ông Tô Quang D khi phát hiện các thanh sắt dầm cầu chữ I bị trộm cắp nên đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý.

Tại Cơ quan điều tra anh Ung Thanh H2 và anh Lê Văn Th còn khai nhận:

Ngày 03/01/2017, Thái Thanh H sử dụng điện thoại di động gọi cho anh Lê Văn Th hỏi thuê xe ô tô cầu bóc và vận chuyển 03 thanh sắt dầm cầu chữ I. Anh Th hỏi địa điểm bóc cầu và điểm vận chuyển đến, H nói cho anh Th biết địa điểm bóc cầu ở tại khu đất rẫy cà phê, thuộc Tổ dân phố X, phường ET, thành phố B, phía sau Trại giam Công an tỉnh Đắk Lắk, vận chuyển đến đường NTT, phường ET, thành phố B và thỏa thuận giá là 3.000.000đ thì H đồng ý. Sau đó, anh Th điều động anh Ung Thanh H2 (là lái xe) và anh Lê Viết D2 sử dụng xe ô tô cầu biển số 47C - 121.xx đi cầu chở các thanh sắt dầm cầu chữ I cho H. Anh Th đưa số điện thoại 09770476xx của H cho anh H2 biết để liên lạc với Thái Thanh H. Sau đó, anh H2 và anh D2 lái xe ô tô cầu biển số 47C - 121.xx đi chở sắt dầm cầu cho Thái Thanh H. Anh Ung Thanh H2 sử dụng điện thoại di động sim số 09154162xx gọi điện thoại cho H và được H hướng dẫn đi vào rẫy cà phê của ông Tô Quang D và bà Đinh Thị H8. Tại đây, Thái Thanh H đã chỉ cho anh H2 và anh D2 bóc cầu 03 thanh sắt dầm cầu chữ I, loại lớn, dài khoảng 10m (không nhớ cụ thể đặc điểm các thanh sắt), lên để ở thùng xe ô tô cầu biển số 47C - 121.xx. Sau đó Thái Thanh H, nói anh H2 vận chuyển đến phía trước số nhà Y, đường NTT, phường ET, thành phố B yêu cầu để xuống bên lề đường. Sau đó, Thái Thanh H lấy số tiền 3.000.000đ trả cho anh H2 và anh D2 là tiền bóc cầu và vận chuyển 03 thanh sắt dầm cầu chữ I. Quá trình điều tra, Thái Thanh H không khai nhận trộm cắp 03 thanh sắt dầm cầu chữ I; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định và chưa thu giữ được 03 thanh sắt dầm cầu chữ I; Sở T tỉnh Đắk Lắk chưa cung cấp đầy đủ chi tiết về đặc điểm của 03 thanh sắt dầm cầu chữ I bị mất trộm, nên không có cơ sở căn cứ định giá tài sản, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 189/KLĐG ngày 09/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Định giá toàn bộ các thanh sắt dầm cầu chữ I các loại (trước khi cắt), có trọng lượng 51.580 kg; trị giá: 51.580 kg x 5.600 đồng/kg = 288.848.000đ; định giá các thanh sắt dầm cầu chữ I các loại (đã bị cắt rời thành nhiều thanh sắt hình dạng khác nhau), có tổng trọng lượng 30.660 kg; trị giá: 30.660kg x 5.600 đồng/kg = 171.696.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 241/KLĐG, ngày 19/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu honda, màu sơn đỏ, biển số 51S8-8110, số máy: QMI205A-00684, số khung: CJ-20751000771; trị giá: 2.500.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 315/2017/HSST ngày 29/11/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Thái Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thái Thanh H 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/02/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Thái Thanh H bồi thường cho Sở T tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 117.152.000đ (là trị giá số thanh sắt dầm cầu hình chữ I không thu hồi được, có tổng trọng lượng là 20.920.000kg).

- Buộc bị cáo Thái Thanh H bồi thường cho Doanh nghiệp HN, số tiền là 168.138.000đ (là số tiền mà Doanh nghiệp HN mua các thanh sắt dầm cầu hình chữ I).

- Buộc anh Lê Thế H1 phải hoàn trả cho Doanh nghiệp HN số tiền 10.430.000đ, hưởng lợi từ việc mua bán các thanh sắt dầm cầu chữ I do bị cáo Thái Thanh H phạm tội mà có.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2017, bị cáo Thái Thanh H có đơn kháng cáo bản án với nội dung: Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản là không đúng người, đúng tội, bị cáo bị oan nên bị cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo;

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thái Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt 11 năm tù là có phần nghiêm khắc. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 BLTTHS xử phạt bị cáo 09 năm 06 tháng từ đến 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa phần trách nhiệm dân sự của anh Lê Thế H1. Buộc anh Lê Thế H1 phải hoàn trả cho Doanh nghiệp tư nhân HN số tiền 14.430.000đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Lần thứ nhất ngày 06/01/2017 bị cáo không bán sắt và không nhận tiền. Lần 05 ngày 20/02/2017 chữ ký trong phiếu

nhận tiền không phải là chữ ký của bị cáo. Mặt khác, bị cáo có cha là người có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xem xét lại tình tiết vụ án cho bị cáo hai lần trộm cắp ngày 06/01/2017 và ngày 20/02/2017 và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bị cáo không có tranh luận gì thêm chỉ đề nghị HĐXX xem xét lại tình tiết vụ án, bị cáo bị oan.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra và giải quyết vụ án bị cáo xác định: Bị cáo không quen biết với chị Trần Thị V, anh Ung Thanh H2, anh Lê Thế H1 và anh Nguyễn Văn Thành và cũng không mâu thuẫn gì với những người này. Bị cáo cho rằng không gọi điện cho anh Th, anh H2 để thuê xe cầu nhưng tại Công văn số 1847/KTM-ANM ngày 04/7/2017 của Ban khai thác mạng – Tổng công ty hạ tầng mạng (từ bút lục 84 đến 98) đã liệt kê chi tiết cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn của chủ thuê bao 09154162xx và 09134841xx thì vào ngày 06/01/2017, 19/01/2017, 24/01/2017, 06/02/2017 và ngày 20/02/2017 có sự liên lạc giữa số thuê bao 09154162xx (của công ty TN) và số thuê bao 09770478xx (số điện thoại của bị cáo). Bên cạnh đó, các lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn Th, anh Ung Thanh H2 khẳng định bị cáo Thái Thanh H có gọi điện cho anh Th và anh H2 và ngược lại anh Th và anh H2 cũng có gọi điện cho bị cáo để giao dịch điều khiển xe chỉ đường đến địa điểm cầu thanh sắt dầm cầu hình chữ I. Đã 06 lần anh H2 trực tiếp điều khiển xe cầu biển số 47C-121.xx đến Tổ dân phố X, phường ET, thành phố B cầu thanh sắt dầm cầu chữ I cho Thái Thanh H. Thái Thanh H là người trực tiếp chỉ dầm cầu để cầu, mỗi lần cầu 03 thanh sắt. Lần đầu tiên cầu 03 thanh sắt về đặt ở hẻm đường W còn lại 05 lần sau là cầu thanh sắt chở đến Doanh nghiệp tư nhân HN ở khu công nghiệp TA để bán. Bị cáo là người 05 lần trực tiếp trả tiền cầu (trong đó, chỉ có lần cầu vào ngày 06/01/2017 là do anh Lê Thế H1 trả). Đồng thời, chị Trần Thị V là người trực tiếp giao dịch mua bán sắt của Doanh nghiệp HN đã xác định bị cáo là người trực tiếp giao dịch bán sắt cho chị V vào các ngày 21/01/2017, 24/01/2017, 06/02/2017 và ngày 20/02/2017, mỗi lần bị cáo bán cho Doanh nghiệp HN 03 thanh sắt với tổng khối lượng sắt là 41.670 kg, bị cáo là người trực tiếp nhận tiền và ký vào các phiếu chi A2, A3, A4 và A5 (lần lượt là phiếu chi của các ngày 21/01/2017, 24/01/2017, 06/02/2017 và ngày 20/02/2017).

Như vậy, lời khai của anh Lê Văn Th, anh Ung Thanh H2 và chị Trần Thị V là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai Sở T tỉnh Đắk Lắk về đặc điểm của các đầm cầu chữ I bị mất; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh H3 (là phụ xe cho anh H2 vào ngày 20/02/2017); phù hợp với lời khai của những người làm chứng chị Dương Thị H7 và chị Trần Thị D1 đã được thu thập trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đồng thời phù hợp với đặc điểm, tính chất của vật chứng thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, việc bị cáo liên lạc với anh Nguyễn Văn Th để thuê xe cầu của Công ty TN để cầu các đầm cầu chữ I của Sở T tại khu vực rẫy cà phê của gia đình ông Tô Quang D, bà Đinh Thị H8 vào các ngày 06/01/2017, 21/01/2017, 24/01/2017, 06/02/2017 và ngày 20/02/2017 là có căn cứ.

[2]. Bị cáo cho rằng việc Cơ quan điều tra không lấy mẫu chữ ký của bị cáo để tiến hành giám định chữ ký, trong hóa đơn không ghi rõ tên của ai trong khi đó Kết luận giám định số 315/PC54 ngày 13/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk lại kết luận rằng các hóa đơn A2, A3 và A4 là chữ ký của bị cáo là không đúng sự thật và không khách quan. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo khẳng định các bản tường trình ngày 20/02/2017, ngày 22/02/2017 là do bị cáo viết và ký; biên bản ghi lời khai ngày 20/2/2017 đúng là chữ ký của bị cáo. Do đó, việc Cơ quan điều tra không thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của bị cáo mà dùng các tài liệu nói trên để giám định vẫn đảm bảo tính khách quan của kết quả giám định.

[3]. Bị cáo cho rằng ngày 06/01/2017 anh Lê Thế H1 mới là người trực tiếp bán sắt cho Doanh nghiệp HN chứ không phải bị cáo và bị cáo không nhận 48.000.000đ từ anh Lê Thế H1. Đối với hóa đơn đề ngày 20/02/2017 bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người ký vào hóa đơn nên bị cáo không trộm cắp tài sản vào các ngày trên. Tuy nhiên, theo như phân tích ở trên thì ngày 06/01/2017 và ngày 20/02/2017 chính bị cáo là người thuê xe của công ty TN để cầu các đầm cầu chữ I, mặt khác người trực tiếp chở sắt là anh Ung Thanh H2, anh Phạm Minh H3 (phụ xe cho anh H2) khẳng định chỉ chở sắt cho bị cáo chứ không chở sắt cho anh Lê Thế H1. Người trực tiếp giao dịch mua bán sắt là chị Trần Thị V xác định bị cáo là người trực tiếp bán sắt, nhận tiền bán sắt và trả tiền thuê xe cầu vào ngày 20/02/2017. Bên cạnh đó, anh Lê Thế H1 khẳng định vào ngày 06/01/2017 anh H1 chính là người đã mua sắt của bị cáo Thái Thanh H sau đó mới đem bán lại cho Doanh nghiệp HN. Như vậy, mặc dù bị cáo không nhận tội đối với 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 06/01/2017 và ngày 20/02/2017 nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, các lời khai của các đương sự khác, căn cứ vào đặc điểm tính chất của vật chứng đã thu thập trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa thì đã đủ điều kiện để kết luận chính bị cáo là người thực hiện hành vi trộm cắp các đầm cầu chữ I của Sở T tỉnh Đắk Lắk vào các ngày 06/01/2017 và ngày 20/02/2017.

[4]. Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2017 đến ngày 20/2/2017, Thái Thanh H đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản là các thanh sắt đầm cầu chữ I có tổng trọng lượng là 51.580 kg của Sở T tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được là: 288.848.000 đồng. Hành vi của bị cáo Thái Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị giảm nhẹ hình phạt và sửa phân trách nhiệm dân sự của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng: Trong đơn kháng cáo ngày 4/12/2017 của bị cáo Thái Thanh H, bị cáo H chỉ kháng cáo kêu oan, không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự nên đề nghị của Viện kiểm sát và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, và thay đổi trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Thế H1 không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm không có cơ sở giải quyết.

[6]. Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là không có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Thái Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái Thanh H– Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 315/2017/HSST ngày 29/11/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Thái Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Xử phạt: Bị cáo Thái Thanh H 11 (mười một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Thái Thanh H bồi thường cho Sở T tỉnh Đắk Lắk, số tiền là 117.152.000đ (là trị giá số thanh sắt dầm cầu hình chữ I không thu hồi được, có tổng trọng lượng là 20.920.000kg).

- Buộc bị cáo Thái Thanh H bồi thường cho doanh nghiệp HN, số tiền là 168.138.000đ (là số tiền mà Doanh nghiệp HN mua các thanh sắt dầm cầu hình chữ I).

- Buộc anh Lê Thế H1 phải hoàn trả cho Doanh nghiệp HN số tiền 10.430.000đ hưởng lợi từ việc mua bán các thanh sắt dầm cầu chữ I do bị cáo Thái Thanh H phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 2 Điều 486 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình chậm thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Thái Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người TGT;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử tòa án;
-
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết

